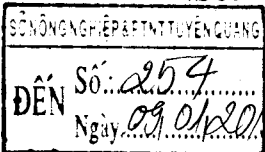


Số: 41 /2018/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018



THÔNG TƯ

Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, nguyên tắc, chế độ làm việc; nhiệm vụ, tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chỉnh, bổ sung thành viên; thủ tục thành lập, giải thể; chế độ thông tin báo cáo và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Hội đồng quản lý).

2. Đối tượng áp dụng

a) Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nêu tại Khoản 1 Điều này.

b) Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Thông tư này không áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện thành lập

1. Nguyên tắc thành lập: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2016/TT-BNV ngày 25/5/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2016/TT-BNV).

2. Điều kiện thành lập: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2016/TT-BNV.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU, SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN, NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 3. Vị trí, chức năng

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 03/2016/TT-BNV.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 03/2016/TT-BNV và quy định pháp luật.

Điều 5. Cơ cấu, số lượng thành viên

1. Mỗi đơn vị sự nghiệp công lập có 01 Hội đồng quản lý. Hội đồng quản lý có số lượng thành viên là số lẻ từ 05 đến 11 thành viên.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý, gồm: Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý với số lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

a) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu; bí thư đảng ủy, chỉ bộ (người đứng đầu cấp ủy), chủ tịch công đoàn, đại diện một số tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;

Chủ tịch Hội đồng không kiêm nhiệm chức vụ người đứng đầu;

b) Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, gồm: Đại diện của Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo (người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu) cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) khi được Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền;

c) Một số thành viên khác bên ngoài (nếu cần thiết) chiếm không quá 20% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý, gồm: Là chuyên gia trong lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc người hoạt động trong lĩnh vực có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập và có đóng góp quan trọng vào phát triển đơn vị sự nghiệp công lập. Nếu các thành viên này không phải là công chức, viên chức thì không được đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng hoặc Thư ký Hội đồng.



Điều 6. Nguyên tắc làm việc

1. Hội đồng quản lý thực hiện theo nguyên tắc thảo luận tập thể, dân chủ, tôn trọng ý kiến các thành viên, công khai, biểu quyết và quyết định theo đa số.

2. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, đề cao trách nhiệm cá nhân Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý.

3. Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng thẩm quyền.

4. Văn bản do Chủ tịch Hội đồng ký, ban hành sử dụng con dấu của đơn vị sự nghiệp công lập và được lưu trữ theo quy định của pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng quản lý

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người đứng đầu cơ quan bổ nhiệm mình về thực hiện nhiệm vụ được giao, kết quả công việc, ý kiến biểu quyết, bỏ phiếu thông qua quyết nghị, quyết định của Hội đồng quản lý.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật khi có việc làm trái với quy định pháp luật, gây hậu quả xấu.

Điều 7. Chế độ làm việc

1. Hội đồng quản lý họp định kỳ mỗi quý 01 lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng hoặc kiến nghị của trên 30% thành viên Hội đồng quản lý hoặc đề nghị của Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Hội đồng quản lý hoạt động theo cơ chế tập thể và quyết định theo đa số trên cơ sở bỏ phiếu kín của các thành viên.

2. Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý tham dự. Nghị quyết của Hội đồng quản lý chỉ có giá trị, hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý (theo danh sách thành viên Hội đồng quản lý được cấp có thẩm quyền thành lập, bổ nhiệm, phê duyệt) nhất trí thông qua. Hội đồng quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ phiếu ngang nhau thì Hội đồng quyết nghị theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng. Nội dung cuộc họp Hội đồng phải được ghi thành biên bản và gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý.

3. Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, quản lý thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản lý và trước Thủ trưởng cơ quan thành lập Hội đồng quản lý. Khi Chủ tịch Hội đồng vắng mặt phải ủy quyền, ủy nhiệm cho một thành viên Hội đồng quản lý điều hành công việc thuộc quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng và báo cáo kết quả giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng có mặt.

4. Trường hợp có công việc cần giải quyết nhưng không thể triệu tập họp Hội đồng quản lý ngay, Chủ tịch Hội đồng xin ý kiến thành viên Hội đồng quản lý bằng văn bản và quyết định thực hiện công việc khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý (theo danh sách thành viên Hội đồng quản lý được cấp có thẩm quyền thành lập, bổ nhiệm, phê duyệt) nhất trí bằng văn bản. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ ngang nhau thì quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

Ty H

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị các nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các phiên họp Hội đồng quản lý. Hội đồng quản lý được sử dụng bộ máy điều hành, bộ phận giúp việc của đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

6. Thành viên Hội đồng quản lý được hưởng thù lao hoặc phụ cấp theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp công lập và quy định pháp luật. Mức thù lao hoặc phụ cấp, chế độ khác (nếu có) của thành viên Hội đồng quản lý và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan thành lập Hội đồng quản lý và trước pháp luật về chỉ đạo, quản lý thực hiện nhiệm và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý, cụ thể:

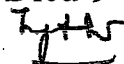
1. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, quý của Hội đồng quản lý; phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng quản lý.
2. Quyết định về chương trình nghị sự, chủ tọa các cuộc họp và tổ chức bỏ phiếu tại cuộc họp Hội đồng quản lý; chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập hoặc thành viên chuẩn bị nội dung, chương trình họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng quản lý; đề xuất nội dung và các vấn đề thảo luận ở Hội đồng quản lý.
3. Triệu tập các cuộc họp, phiên họp Hội đồng quản lý định kỳ và đột xuất.
4. Ký các văn bản của Hội đồng quản lý.
5. Lãnh đạo, điều hành Hội đồng quản lý hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý

1. Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý.
2. Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng nội dung và các vấn đề thảo luận ở Hội đồng quản lý.
3. Góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý.
4. Thực hiện bảo mật các thông tin được cung cấp theo quy định pháp luật.
5. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội đồng

Ngoài các nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản lý quy định tại Điều 9 Thông tư này, Thư ký Hội đồng có các nhiệm vụ sau:



1. Tổng hợp thông tin về tổ chức hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

2. Chuẩn bị chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp, phiên họp của Hội đồng quản lý. Ghi biên bản cuộc họp, phiên họp Hội đồng quản lý; tổng hợp trung thực, đầy đủ ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý; chuẩn bị Nghị quyết của Hội đồng quản lý để báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, ký ban hành Nghị quyết.

3. Chuẩn bị các báo cáo, giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan liên quan theo phân công của Chủ tịch Hội đồng.

4. Thực hiện lưu trữ các văn bản của Hội đồng quản lý theo quy định pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 11. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có phẩm chất chính trị, có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức tuân thủ pháp luật;

c) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; kinh nghiệm tối thiểu từ 05 năm trở lên trong công tác quản lý hoặc công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý.

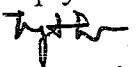
2. Chủ tịch Hội đồng phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và tiêu chuẩn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, đồng thời đảm bảo độ tuổi để làm Chủ tịch Hội đồng ít nhất một nhiệm kỳ (đủ 60 tháng).

Điều 12. Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng và thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, phê duyệt danh sách theo quy định pháp luật. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm gồm:

a) Tờ trình đề nghị bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý;

b) Sơ yếu lý lịch của Chủ tịch Hội đồng và các thành viên (kèm theo các hồ sơ, tài liệu xác nhận về trình độ, sức khỏe theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật);



c) Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên, văn bản đồng ý tham gia Hội đồng quản lý của các thành viên không phải là người quản lý, viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Nghị quyết của Hội đồng quản lý đối với Đề án thành lập Hội đồng quản lý và phương án nhân sự của Hội đồng quản lý (đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã có Hội đồng quản lý).

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý là 05 năm và theo nhiệm kỳ của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp khác so với quy định trên thì do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ (10 năm) liên tiếp.

3. Cơ quan, tổ chức thẩm định việc thành lập Hội đồng quản lý quy định tại Điều 15 Thông tư này có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quy định tại Điều 18 Thông tư này xem xét, quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng và phê duyệt danh sách các thành viên Hội đồng quản lý.

Điều 13. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng và thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý bị miễn nhiệm, bãi nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng quản lý;

b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;

d) Bị cơ quan chủ quản kiểm điểm và thi hành kỷ luật;


đ) Đang chấp hành bản án của tòa án;

e) Không còn đáp ứng các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản lý theo quy định khác tại Điều 11 Thông tư này;

g) Chuyển sang vị trí công tác mới không phù hợp với cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý;

h) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm hoặc vi phạm khác theo quy định tại quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

i) Miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng khi đề ra các mục tiêu và giải pháp không phù hợp dẫn đến 02 năm liên tiếp đơn vị sự nghiệp công lập không hoàn thành mục tiêu hoặc không đạt kế hoạch đề ra.

2. Hội đồng quản lý có trách nhiệm xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng và thành viên Hội đồng quản lý và gửi hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định. Hồ sơ gồm: 

- a) Tờ trình nêu rõ lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm;
- b) Các văn bản, minh chứng liên quan thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều này và quy định pháp luật.

3. Cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng và thành viên Hội đồng quản lý xem xét, quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý.

Điều 14. Điều chỉnh, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý

1. Trường hợp Hội đồng quản lý cần điều chỉnh, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý thì Chủ tịch Hội đồng căn cứ vào tiêu chuẩn, thành phần của các thành viên Hội đồng quản lý cần điều chỉnh, thay thế, bổ sung để lựa chọn nhân sự và thông qua Hội đồng quản lý trước khi gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ thủ tục điều chỉnh, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý như bổ nhiệm thành viên quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Chương IV

THÀNH LẬP, GIẢI THỂ HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

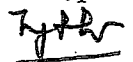
Điều 15. Hồ sơ thành lập và cơ quan thẩm định

1. Hồ sơ: Đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này lập hồ sơ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý. Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý;
- b) Đề án thành lập Hội đồng quản lý: Nội dung Đề án gồm: Thực trạng tổ chức, hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; sự cần thiết và cơ sở pháp lý; vị trí, chức năng; nhiệm vụ, quyền hạn; cơ cấu, số lượng thành viên; dự kiến phương án nhân sự của Hội đồng quản lý; kiến nghị của cơ quan xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý (nếu có); các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- c) Dự thảo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, trong đó xác định rõ mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên;
- d) Các hồ sơ liên quan chứng minh đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này;
- đ) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan (cơ quan trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan tổ chức cán bộ, tài chính, pháp chế cấp trên trực tiếp) về việc thành lập Hội đồng quản lý;
- e) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có).

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã có Hội đồng quản lý

Chủ tịch Hội đồng chủ trì tổ chức lập hồ sơ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 18 Thông tư này để được xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý.



3. Cơ quan, tổ chức thẩm định

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Vụ Tổ chức cán bộ tổ chức thẩm định thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.

Tổ chức tham mưu về công tác tổ chức cán bộ của các Cục, Tổng cục và đơn vị sự nghiệp công lập được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp, ủy quyền tổ chức thẩm định thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc các Bộ, Cơ quan Trung ương: Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ trực thuộc các Bộ, Cơ quan Trung ương tổ chức thẩm định thành lập Hội đồng quản lý.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Nội vụ (hoặc cơ quan chuyên môn tham mưu về tổ chức bộ máy trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định thành lập Hội đồng quản lý.

4. Căn cứ quy định tại Điều 2 Thông tư này và văn bản đề nghị thành lập, văn bản thẩm định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Điều 18 Thông tư này quyết định thành lập Hội đồng quản lý.

Điều 16. Thủ tục thành lập Hội đồng quản lý nhiệm kỳ đầu tiên

1. Xác định số lượng, cơ cấu và bầu thành viên Hội đồng quản lý

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức và chủ trì cuộc họp thành phần gồm: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị, Bí thư tổ chức Đảng cùng cấp, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện một số đơn vị trực thuộc hoặc viên chức (nếu có) để xác định số lượng, cơ cấu thành viên và thống nhất cử một số đại diện của đơn vị sự nghiệp công lập tham gia Hội đồng quản lý theo quy định. Lập biên bản cuộc họp có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp.

b) Trên cơ sở biên bản thống nhất tại cuộc họp trên, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có văn bản đề nghị cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý thành viên không thuộc đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có) cử đại diện tham gia Hội đồng quản lý sau khi đã xác định số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý theo quy định. Cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý thành viên Hội đồng quản lý không thuộc đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm trả lời đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản.

c) Bầu Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng. Hình thức bầu bỏ phiếu kín. Kết quả bầu được lập thành biên bản.

2. Trên cơ sở quyết nghị tại cuộc họp xác định số lượng, cơ cấu và bầu Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập

hồ sơ theo quy định tại Thông tư này gửi lên cơ quan quản lý cấp trên để trình Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng quản lý.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng quản lý, cơ quan thẩm định phải trình Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng quản lý.

Quyết định thành lập Hội đồng quản lý ghi rõ chức danh và nhiệm vụ của các thành viên trong Hội đồng. Trường hợp không quyết định thành lập Hội đồng quản lý thì cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 17. Thủ tục thành lập Hội đồng quản lý nhiệm kỳ kế tiếp

1. Trước khi hết nhiệm kỳ 06 tháng, Chủ tịch Hội đồng đương nhiệm phải tổ chức thực hiện quy định tại Điều 16 Thông tư này để thành lập Hội đồng quản lý nhiệm kỳ kế tiếp đảm bảo không bị gián đoạn trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp kết thúc nhiệm kỳ vì lý do khách quan mà chưa thể thành lập và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý nhiệm kỳ tiếp theo thì cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phải quyết định giao nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý cho đến khi có thành viên mới được bổ nhiệm, thay thế và tiếp quản, tiếp nhận công việc.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định thành lập và phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan Trung ương quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.


Điều 19. Giải thể Hội đồng quản lý

Căn cứ vào phương án giao quyền tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan có thẩm quyền, khi đơn vị sự nghiệp công lập không còn đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này, Chủ tịch Hội đồng xây dựng phương án giải thể, có văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét, quyết định giải thể Hội đồng quản lý và bãi bỏ quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Chương V

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 20. Chế độ thông tin, báo cáo

Chủ tịch Hội đồng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (06 tháng, 01 năm), đột xuất với Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý và cơ quan có liên quan theo quy định. 

Điều 21. Quy chế hoạt động

1. Cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý có trách nhiệm phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- a) Các quy định chung;
- b) Chế độ làm việc;
- c) Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên;
- d) Quan hệ công tác;

đ) Các quy định khác (nếu có) nhằm đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản lý có hiệu lực, hiệu quả và thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

3. Ban hành hướng dẫn khung quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 22. Quan hệ công tác

1. Quy định về mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý.

2. Quy định về mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên và trước pháp luật về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đối với cơ quan quản lý cấp trên.


c) Cơ quan quản lý cấp trên thông qua, có ý kiến và có trách nhiệm giải quyết theo quy định đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

3. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý với các đơn vị, tổ chức đoàn thể của đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức, cá nhân khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý quy định tại quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý đáp ứng đủ điều kiện xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này. 

2. Quyết định thành lập, bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý và phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý.

Điều 24. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Thông tư này có trách nhiệm xây dựng Đề án, quy chế hoạt động trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý, tổ chức thực hiện quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 25. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày **15** tháng **02** năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi đề nghị có văn bản gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để nghiên cứu giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở: NN&PTNT, Nội vụ các tỉnh, TP;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo và Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ TCCB. TMD.TAT

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Hà Công Tuấn



Phụ lục
HƯỚNG DẪN KHUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý
- Điều 3. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý
- Điều 4. Chủ tịch Hội đồng
- Điều 5. Thư ký Hội đồng
- Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý
- Điều 7. Thủ tục giới thiệu thành viên Hội đồng quản lý và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng quản lý nhiệm kỳ tiếp theo
- Điều 8. Khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng và thành viên Hội đồng quản lý,...

Chương II
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

- Điều 9. Nguyên tắc chung
- Điều 10. Chế độ làm việc, chế độ họp của Hội đồng quản lý
- Điều 11. Quyết nghị của Hội đồng quản lý
- Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo của Hội đồng quản lý
- Điều 13. Quản lý văn bản, tài liệu của Hội đồng quản lý
- Điều 14. Cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý,...

Chương III
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

- Điều 15. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý với và cấp ủy Đảng đơn vị sự nghiệp công lập
- Điều 16. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập
- Điều 17. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý với các đơn vị, tổ chức đoàn thể của đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức, cá nhân liên quan,...
- Điều 18. Điều khoản thi hành./ Ty + h